

2378	14.0061.0802	Nổi thông lệ mũi có hoặc không đặt ống silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Lần	1,130,200
2379	14.0065.0808	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [gây mê]	Lần	1,632,200
2380	14.0065.0824	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Lần	930,200
2381	14.0066.0808	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây mê]	Lần	1,632,200
2382	14.0066.0809	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây tê]	Lần	1,083,600
2383	14.0066.0824	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	Lần	930,200
2384	14.0067.0762	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	Lần	1,130,200
2385	14.0068.0763	Gọt giác mạc đơn thuần	Lần	860,200
2386	14.0069.0761	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc	Lần	1,430,500
2387	14.0072.0781	Lấy dị vật trong củng mạc	Lần	1,013,600
2388	14.0073.0783	Lấy dị vật tiền phòng	Lần	1,244,100
2389	14.0074.0733	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	Lần	1,322,100
2390	14.0082.0847	Sinh thiết tổ chức kết mạc	Lần	151,000
2391	14.0084.0836	Cắt u mi cả bề dày không ghép	Lần	812,100
2392	14.0085.0834	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	Lần	1,322,100
2393	14.0086.0834	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	Lần	1,322,100
2394	14.0087.0859	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	Lần	2,185,500
2395	14.0097.0837	Nạo vét tổ chức hốc mắt	Lần	1,322,100
2396	14.0106.0768	Đóng lỗ rò đường lệ [gây mê]	Lần	1,595,200
2397	14.0107.0827	Tạo hình đường lệ có hoặc không đi kèm lệ	Lần	1,644,100
2398	14.0108.0820	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)	Lần	913,600
2399	14.0109.0819	Phẫu thuật lác thông thường [2 mắt]	Lần	1,220,300
2400	14.0110.0818	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	Lần	830,200
2401	14.0110.0819	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	Lần	1,220,300
2402	14.0119.0826	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	Lần	1,402,600
2403	14.0120.0826	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi	Lần	1,402,600
2404	14.0121.0860	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi...)	Lần	1,260,100
2405	14.0122.0826	Cắt cơ Muller	Lần	1,402,600

2406	14.0123.0861	Lùi cơ nâng mi	Lần	891,500
2407	14.0124.0838	Vá da tạo hình mi	Lần	1,194,100
2408	14.0125.0829	Phẫu thuật tạo hình nếp mi [1 mắt]	Lần	930,200
2409	14.0125.0830	Phẫu thuật tạo hình nếp mi [2 mắt]	Lần	1,213,600
2410	14.0126.0829	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi [1 mắt]	Lần	930,200
2411	14.0126.0830	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi [2 mắt]	Lần	1,213,600
2412	14.0136.0817	Phẫu thuật mở rộng khe mi	Lần	763,600
2413	14.0137.0817	Phẫu thuật hẹp khe mi	Lần	763,600
2414	14.0145.0810	Phẫu thuật cắt mỏng mắt chu biên	Lần	570,300
2415	14.0151.0813	Đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	Lần	1,644,100
2416	14.0154.0853	Rút van dẫn lưu, ống silicon tiền phòng	Lần	913,600
2417	14.0162.0796	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)	Lần	830,200
2418	14.0163.0796	Rửa chất nhân tiền phòng	Lần	830,200
2419	14.0168.0764	Khâu cò mi, tháo cò	Lần	452,400
2420	14.0169.0738	Trích dẫn lưu túi lệ	Lần	85,500
2421	14.0171.0769	Khâu da mi đơn giản	Lần	897,100
2422	14.0175.0839	Khâu phủ kết mạc	Lần	698,800
2423	14.0176.0771	Khâu giác mạc [phức tạp]	Lần	1,244,100
2424	14.0178.0767	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	Lần	1,244,100
2425	14.0179.0770	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc	Lần	799,600
2426	14.0180.0805	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	Lần	1,202,600
2427	14.0181.0775	Lạnh đông thể mi	Lần	1,809,000
2428	14.0182.0746	Điện đông thể mi	Lần	562,100
2429	14.0183.0796	Bơm hơi /khí tiền phòng	Lần	830,200
2430	14.0184.0774	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	Lần	830,200
2431	14.0185.0798	Mức nội nhãn	Lần	599,800
2432	14.0186.0774	Cắt thị thần kinh	Lần	830,200
2433	14.0188.0788	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây mê]	Lần	1,351,400
2434	14.0188.0789	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây tê]	Lần	698,800
2435	14.0188.0790	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây mê]	Lần	1,572,200
2436	14.0188.0791	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây tê]	Lần	935,200
2437	14.0188.0792	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây tê]	Lần	1,188,600
2438	14.0188.0793	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây mê]	Lần	1,833,000
2439	14.0188.0794	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây mê]	Lần	2,068,800
2440	14.0188.0795	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây tê]	Lần	1,387,000
2441	14.0189.0789	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi	Lần	698,800
2442	14.0191.0789	Mỏ quặm bẩm sinh	Lần	698,800
2443	14.0235.0828	Phẫu thuật tạo củng đồ để lắp mắt giả	Lần	1,244,100
2444	15.0027.0911	Mở sào bào	Lần	4,058,900
2445	15.0028.0911	Mở sào bào, thượng nhĩ	Lần	4,058,900
2446	15.0029.0911	Mở sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	Lần	4,058,900
2447	15.0030.0984	Phẫu thuật tạo hình tai giữa	Lần	5,530,000
2448	15.0033.1001	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/lấy tổn thương, lấy dị vật	Lần	1,646,800
2449	15.0034.0997	Vá nhĩ đơn thuần	Lần	4,058,900
2450	15.0036.0971	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	Lần	3,209,900

2451	15.0037.0984	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	Lần	5,530,000
2452	15.0043.0874	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài [gây mê]	Lần	2,122,100
2453	15.0043.0875	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài [gây tê]	Lần	634,500
2454	15.0045.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dai tai [gây mê]	Lần	1,385,400
2455	15.0045.0910	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dai tai [gây tê]	Lần	874,800
2456	15.0046.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]	Lần	3,209,900
2457	15.0048.0971	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Lần	3,209,900
2458	15.0053.1002	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	Lần	1,075,700
2459	15.0064.0960	Phẫu thuật nội soi thắt/đốt động mạch bướm khẩu cái	Lần	2,981,800
2460	15.0074.1081	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	Lần	3,078,100
2461	15.0075.0969	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	Lần	4,211,900
2462	15.0077.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	Lần	3,180,600
2463	15.0081.0919	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây tê]	Lần	489,500
2464	15.0082.0998	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng laser	Lần	3,391,900
2465	15.0084.0974	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	Lần	9,076,600
2466	15.0085.0975	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	Lần	5,244,100
2467	15.0091.0961	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	Lần	9,611,800
2468	15.0094.0958	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	Lần	3,045,800
2469	15.0097.0960	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	Lần	2,981,800
2470	15.0098.0929	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	Lần	1,658,900
2471	15.0099.1001	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	Lần	1,646,800
2472	15.0100.1001	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng laser	Lần	1,646,800
2473	15.0102.0970	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	Lần	3,526,900
2474	15.0103.0942	Phẫu thuật cắt xoang hơi cuốn mũi giữa	Lần	4,211,900
2475	15.0104.0942	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	Lần	4,211,900
2476	15.0105.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	Lần	4,211,900
2477	15.0106.0969	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	Lần	4,211,900
2478	15.0107.0969	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần	Lần	4,211,900
2479	15.0108.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng laser	Lần	4,211,900
2480	15.0109.0969	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	Lần	4,211,900
2481	15.0110.0970	Phẫu thuật thùng vách ngăn mũi	Lần	3,526,900
2482	15.0111.0970	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thùng vách ngăn mũi	Lần	3,526,900
2483	15.0112.0970	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	Lần	3,526,900
2484	15.0113.0970	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	Lần	3,526,900
2485	15.0114.0951	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	Lần	5,657,000
2486	15.0116.0947	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	Lần	5,657,000
2487	15.0117.1001	Phẫu thuật mở xoang hàm	Lần	1,646,800
2488	15.0118.0947	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	Lần	5,657,000

2489	15.0122.0946	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	Lần	9,076,600
2490	15.0123.0912	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	Lần	2,804,100
2491	15.0125.1001	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	Lần	1,646,800
2492	15.0127.1002	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Lần	1,075,700
2493	15.0128.1002	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Lần	1,075,700
2494	15.0134.0913	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây tê]	Lần	1,326,200
2495	15.0148.0966	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	Lần	4,535,700
2496	15.0149.0870	Phẫu thuật cắt Amidan	Lần	1,217,100
2497	15.0150.0871	Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần [Coblator]	Lần	2,487,100
2498	15.0151.0937	Phẫu thuật cắt u Amidan [dao điện]	Lần	1,761,400
2499	15.0156.0929	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng máy (gây mê)[Coblator]	Lần	1,658,900
2500	15.0157.0929	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt hút [Hummer]	Lần	1,658,900
2501	15.0158.1002	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	Lần	1,075,700
2502	15.0159.0965	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hở lưỡi thanh thiệt	Lần	3,340,900
2503	15.0169.0966	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng dụng cụ cắt hút	Lần	4,535,700
2504	15.0174.0120	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	Lần	759,800
2505	15.0194.1001	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	Lần	1,646,800
2506	15.0195.1002	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	Lần	1,075,700
2507	15.0196.1048	Phẫu thuật cắt u lưỡi phần lưỡi di động	Lần	2,289,300
2508	15.0203.0988	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	Lần	3,045,800
2509	15.0204.1043	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	Lần	1,051,700
2510	15.0205.1043	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	Lần	1,051,700
2511	15.0214.1002	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	Lần	1,075,700
2512	15.0224.1002	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	Lần	1,075,700
2513	15.0284.0944	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm	Lần	4,944,000
2514	15.0285.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	Lần	4,561,600
2515	15.0286.0357	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	Lần	4,561,600
2516	15.0287.0357	Phẫu thuật cắt thùy giáp	Lần	4,561,600
2517	15.0292.0957	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	Lần	4,936,000
2518	15.0300.0955	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Lần	3,340,900
2519	15.0320.0985	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân	Lần	7,715,300
2520	15.0321.0912	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương	Lần	2,804,100
2521	15.0322.0985	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	Lần	7,715,300
2522	15.0350.0970	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da	Lần	3,526,900

2523	15.0361.2036	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	Lần	4,003,900
2524	16.0022.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	Lần	1,172,800
2525	16.0023.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	Lần	1,172,800
2526	16.0025.1037	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chề chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	Lần	1,172,800
2527	16.0034.1038	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	Lần	952,100
2528	16.0035.1023	Phẫu thuật nạo túi lợi	Lần	89,500
2529	16.0044.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	Lần	631,000
2530	16.0044.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6, 7 hàm dưới]	Lần	861,000
2531	16.0044.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	Lần	455,500
2532	16.0044.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	991,000
2533	16.0045.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 4, 5]	Lần	631,000
2534	16.0050.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	Lần	631,000
2535	16.0050.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	861,000
2536	16.0050.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	Lần	455,500
2537	16.0050.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	991,000
2538	16.0051.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	991,000
2539	16.0053.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 4, 5]	Lần	631,000
2540	16.0053.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	861,000
2541	16.0053.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 1, 2, 3]	Lần	455,500

2542	16.0053.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trám xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	991,000
2543	16.0234.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	Lần	493,500
2544	16.0244.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,997,900
2545	16.0245.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	Lần	2,997,900
2546	16.0249.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,297,900
2547	16.0252.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,297,900
2548	16.0255.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,297,900
2549	16.0270.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,897,900
2550	16.0273.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,636,500
2551	16.0274.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	2,636,500
2552	16.0276.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,636,500
2553	16.0279.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,197,900
2554	16.0280.1066	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê)	Lần	3,197,900
2555	16.0286.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
2556	16.0287.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
2557	16.0288.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
2558	16.0294.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	2,856,600
2559	16.0333.1070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	Lần	2,497,500
2560	16.0348.1089	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [hai bên]	Lần	3,317,300
2561	16.0348.1090	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [xương lồi cầu]	Lần	3,254,300
2562	16.0348.1091	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [một bên]	Lần	3,081,600
2563	20.0098.0637	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Lần	3,035,700
2564	20.0103.0636	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Lần	4,667,800
2565	26.0032.0578	Phủ khuyết rộng trên cơ thể bằng ghép vi phẫu mạc nối, kết hợp với ghép da kinh điển	Lần	5,663,200
2566	27.0005.0974	Phẫu thuật nội soi nạo sàng trước /sau	Lần	9,076,600
2567	27.0007.0969	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn mũi dưới	Lần	4,211,900
2568	27.0010.0970	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	Lần	3,526,900
2569	27.0042.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	Lần	4,561,600
2570	27.0043.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp	Lần	4,561,600

2571	27.0044.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp	Lần	4,561,600
2572	27.0045.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp	Lần	4,561,600
2573	27.0047.0357	Phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp	Lần	4,561,600
2574	27.0048.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	4,561,600
2575	27.0049.0357	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	Lần	4,561,600
2576	27.0050.0357	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	Lần	4,561,600
2577	27.0052.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,561,600
2578	27.0053.0357	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	4,561,600
2579	27.0054.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,561,600
2580	27.0055.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	4,561,600
2581	27.0057.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow	Lần	4,561,600
2582	27.0058.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	4,561,600
2583	27.0059.0357	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên trong ung thư	Lần	4,561,600
2584	27.0075.0125	Phẫu thuật nội soi xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	Lần	5,859,300
2585	27.0082.0125	Phẫu thuật nội soi cắt - khâu kén khí phổi	Lần	5,859,300
2586	27.0084.0452	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm cổ	Lần	3,663,800
2587	27.0085.0452	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm thắt lưng	Lần	3,663,800
2588	27.0087.0124	Phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	Lần	5,081,300
2589	27.0093.1196	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u chẩn đoán	Lần	2,434,500
2590	27.0095.0413	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi	Lần	9,272,200
2591	27.0096.0413	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy phổi kèm nạo vét hạch	Lần	9,272,200
2592	27.0097.0413	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi	Lần	9,272,200
2593	27.0098.0413	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi kèm nạo vét hạch	Lần	9,272,200
2594	27.0132.0445	Phẫu thuật Heller qua nội soi ngực trái	Lần	6,557,900
2595	27.0133.0445	Phẫu thuật Heller qua nội soi bụng	Lần	6,557,900
2596	27.0134.0445	Phẫu thuật Heller kết hợp tạo van chống trào ngược qua nội soi bụng	Lần	6,557,900
2597	27.0135.1209	Phẫu thuật mở cơ thực quản nội soi ngực phải điều trị bệnh co thắt thực quản nan tỏa	Lần	4,343,300
2598	27.0137.0452	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị khe hoành	Lần	3,663,800
2599	27.0138.0447	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng dạ dày	Lần	6,557,900

2600	27.0139.0447	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng đại tràng	Lần	6,557,900
2601	27.0140.1196	Phẫu thuật nội soi cố định dạ dày	Lần	2,434,500
2602	27.0143.0457	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,663,800
2603	27.0144.0451	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	Lần	3,136,900
2604	27.0145.0457	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,663,800
2605	27.0146.1210	Phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày (Intraluminal Lap Surgery)	Lần	2,913,900
2606	27.0147.0502	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	Lần	2,745,200
2607	27.0148.0452	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X	Lần	3,663,800
2608	27.0149.0452	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc	Lần	3,663,800
2609	27.0150.0452	Phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X siêu chọn lọc	Lần	3,663,800
2610	27.0151.0450	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	Lần	5,597,800
2611	27.0152.0457	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,663,800
2612	27.0153.0457	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng, nối túi mật - hồng tràng	Lần	4,663,800
2613	27.0154.0450	Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	Lần	5,597,800
2614	27.0155.0450	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	Lần	5,597,800
2615	27.0156.0450	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	Lần	5,597,800
2616	27.0157.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	Lần	5,597,800
2617	27.0158.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách	Lần	5,597,800
2618	27.0159.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	Lần	5,597,800
2619	27.0160.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 α	Lần	5,597,800
2620	27.0161.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 β	Lần	5,597,800
2621	27.0162.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	Lần	5,597,800
2622	27.0163.0450	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3	Lần	5,597,800
2623	27.0164.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	Lần	5,597,800
2624	27.0165.0450	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2	Lần	5,597,800
2625	27.0166.1196	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	Lần	2,434,500
2626	27.0167.1196	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	Lần	2,434,500
2627	27.0168.0457	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,663,800
2628	27.0169.0457	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày - hồng tràng	Lần	4,663,800
2629	27.0170.0464	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	Lần	2,917,900
2630	27.0171.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	Lần	4,663,800
2631	27.0172.0464	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	Lần	2,917,900

2632	27.0173.1196	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	Lần	2,434,500
2633	27.0174.0457	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	Lần	4,663,800
2634	27.0175.0459	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	Lần	2,815,900
2635	27.0176.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non - ruột non	Lần	4,663,800
2636	27.0177.0455	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	Lần	2,705,700
2637	27.0178.0455	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	Lần	2,705,700
2638	27.0179.0502	Phẫu thuật nội soi mở hồng tràng ra da	Lần	2,745,200
2639	27.0180.0502	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da	Lần	2,745,200
2640	27.0181.0502	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	Lần	2,745,200
2641	27.0183.0462	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng	Lần	4,747,100
2642	27.0184.0457	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	Lần	4,663,800
2643	27.0185.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	Lần	4,663,800
2644	27.0186.0457	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ ruột non	Lần	4,663,800
2645	27.0188.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	Lần	2,818,700
2646	27.0189.2039	Phẫu thuật nội soi cắt lại mòm ruột thừa	Lần	2,818,700
2647	27.0190.2039	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Lần	2,818,700
2648	27.0192.0457	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	Lần	4,663,800
2649	27.0193.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	Lần	4,663,800
2650	27.0194.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2651	27.0195.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	Lần	4,663,800
2652	27.0196.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở + nạo vét hạch rộng	Lần	3,781,900
2653	27.0197.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	Lần	4,663,800
2654	27.0198.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2655	27.0199.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	Lần	4,663,800
2656	27.0200.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2657	27.0201.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	Lần	4,663,800
2658	27.0202.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2659	27.0203.0457	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng	Lần	4,663,800
2660	27.0204.0463	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng + nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2661	27.0205.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	Lần	4,663,800
2662	27.0206.0459	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	Lần	2,815,900
2663	27.0207.0459	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng	Lần	2,815,900
2664	27.0208.0452	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	Lần	3,663,800
2665	27.0209.0452	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo	Lần	3,663,800
2666	27.0210.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng - đại tràng ngang	Lần	4,663,800

2667	27.0211.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng - đại tràng	Lần	4,663,800
2668	27.0212.1196	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	Lần	2,434,500
2669	27.0213.0457	Phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)	Lần	4,663,800
2670	27.0215.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	Lần	4,663,800
2671	27.0216.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2672	27.0217.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	Lần	4,663,800
2673	27.0218.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp+ nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2674	27.0219.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn	Lần	4,663,800
2675	27.0220.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn+ nạo vét hạch+ nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2676	27.0221.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tầng sinh môn	Lần	4,663,800
2677	27.0222.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tầng sinh môn + nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2678	27.0224.0463	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mồm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo+ nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2679	27.0225.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	Lần	4,747,100
2680	27.0226.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng	Lần	4,747,100
2681	27.0227.0459	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng	Lần	2,815,900
2682	27.0228.0452	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo	Lần	3,663,800
2683	27.0229.0459	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	Lần	2,815,900
2684	27.0230.0452	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	Lần	3,663,800
2685	27.0232.0457	Phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	Lần	4,663,800
2686	27.0233.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng	Lần	4,663,800
2687	27.0234.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng	Lần	4,747,100
2688	27.0235.0462	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng	Lần	4,747,100
2689	27.0236.1210	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	Lần	2,913,900
2690	27.0260.1196	Phẫu thuật nội soi cắt chòm nang gan	Lần	2,434,500
2691	27.0263.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	Lần	2,434,500
2692	27.0266.0476	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	Lần	4,281,900
2693	27.0274.1196	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	Lần	2,434,500
2694	27.0293.1196	Phẫu thuật nội soi nối nang tụy - dạ dày	Lần	2,434,500
2695	27.0297.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	Lần	2,434,500
2696	27.0300.1196	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	Lần	2,434,500

2697	27.0305.0457	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	Lần	4,663,800
2698	27.0306.0490	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	Lần	4,068,200
2699	27.0307.1196	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	Lần	2,434,500
2700	27.0310.0457	Phẫu thuật nội soi nối tắt dạ dày - hồng tràng	Lần	4,663,800
2701	27.0313.1196	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)	Lần	2,434,500
2702	27.0314.1196	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)	Lần	2,434,500
2703	27.0315.1196	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng	Lần	2,434,500
2704	27.0316.1196	Phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	Lần	2,434,500
2705	27.0317.0452	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat - Jacob	Lần	3,663,800
2706	27.0320.0452	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen	Lần	3,663,800
2707	27.0321.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,596,000
2708	27.0322.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 2 bên	Lần	4,596,000
2709	27.0323.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,596,000
2710	27.0324.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 2 bên	Lần	4,596,000
2711	27.0325.0420	Nội soi cắt nang tuyến thượng thận	Lần	4,596,000
2712	27.0326.0420	Nội soi cắt chỏm nang tuyến thượng thận	Lần	4,596,000
2713	27.0327.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	Lần	4,781,900
2714	27.0328.1196	Phẫu thuật nội soi khâu thùng cơ hoành	Lần	2,434,500
2715	27.0329.1197	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	Lần	1,596,600
2716	27.0330.1196	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	Lần	2,434,500
2717	27.0331.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	Lần	2,434,500
2718	27.0332.1196	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	Lần	2,434,500
2719	27.0333.1197	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	Lần	1,596,600
2720	27.0335.1197	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	Lần	1,596,600
2721	27.0336.1210	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	Lần	2,913,900
2722	27.0337.1210	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong can thiệp nội soi ống mềm	Lần	2,913,900
2723	27.0339.0419	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ thận phụ	Lần	4,781,900
2724	27.0340.0419	Phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa	Lần	4,781,900
2725	27.0341.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận	Lần	4,781,900
2726	27.0342.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	Lần	4,781,900
2727	27.0343.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc	Lần	4,781,900
2728	27.0344.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	Lần	4,781,900
2729	27.0345.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	Lần	4,781,900
2730	27.0346.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính	Lần	4,781,900
2731	27.0348.0420	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	Lần	4,596,000
2732	27.0353.1196	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	Lần	2,434,500

2733	27.0354.1196	Tán sỏi thận qua da	Lần	2,434,500
2734	27.0355.1196	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	Lần	2,434,500
2735	27.0356.0418	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	Lần	4,497,100
2736	27.0357.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	Lần	4,497,100
2737	27.0358.1209	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	Lần	4,343,300
2738	27.0359.1209	Nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	Lần	4,343,300
2739	27.0360.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản do u đường bài xuất	Lần	4,781,900
2740	27.0362.0423	Nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản nội soi	Lần	3,279,000
2741	27.0363.0423	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	Lần	3,279,000
2742	27.0366.0423	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	Lần	3,279,000
2743	27.0367.0436	Nội soi mở rộng niệu quản, nông rộng niệu quản	Lần	1,920,900
2744	27.0369.0423	Nội soi tạo hình niệu quản sau tĩnh mạch chủ	Lần	3,279,000
2745	27.0370.1210	Phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang	Lần	2,913,900
2746	27.0371.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	Lần	4,497,100
2747	27.0372.1196	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	Lần	2,434,500
2748	27.0377.1197	Nội soi xẻ sa lỗ lỗ niệu quản	Lần	1,596,600
2749	27.0378.0104	Nội soi nông niệu quản hẹp	Lần	950,500
2750	27.0379.0440	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	Lần	1,345,000
2751	27.0380.0418	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	Lần	4,497,100
2752	27.0381.0427	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang bán phần	Lần	6,443,300
2753	27.0382.0427	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang tận gốc	Lần	6,443,300
2754	27.0383.0426	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	Lần	5,030,900
2755	27.0384.1197	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	Lần	1,596,600
2756	27.0386.0426	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	Lần	5,030,900
2757	27.0387.0427	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang, tạo hình bàng quang qua ổ bụng	Lần	6,443,300
2758	27.0388.1210	Phẫu thuật nội soi treo cổ bàng quang điều trị tiểu không kiểm soát	Lần	2,913,900
2759	27.0389.1196	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang	Lần	2,434,500
2760	27.0391.0440	Nội soi bàng quang tán sỏi	Lần	1,345,000
2761	27.0392.1197	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	Lần	1,596,600
2762	27.0393.1196	Nội soi vá rò bàng quang - âm đạo	Lần	2,434,500
2763	27.0395.0433	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt	Lần	4,302,500
2764	27.0397.0433	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài phúc mạc	Lần	4,302,500
2765	27.0399.0430	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	Lần	3,015,000
2766	27.0400.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng laser đông vón	Lần	2,913,900